

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2015



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	05 - 12

C.T.
TY
HỮU HẠ
DINH C
LÀ M
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/06/2015. -

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011 và Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 02 năm 2015. -

Theo giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK thì vốn Điều lệ của Công ty là: **41.000.000.000 VND** (Bốn mươi một tỷ đồng Việt Nam)

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm: -

Hội đồng quản trị	Chức vụ
Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên
Ông Aizawa Motoya	Thành viên
Ông Hiramoto Hiroshi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hà	Thành viên
Bà Kyu Seihin	Thành viên
Ban Giám đốc	Chức vụ
Ông Atsuhiko Haruyama	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Chức vụ
Bà Trần Thị Lam	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Mai Lan	Ủy viên

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2015 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. -

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính và đã được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/12/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2015, phù hợp với quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính. ✓

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN



Atsuhiko Haruyama ✓

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số: 431-15/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/06/2015
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản

Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm ngày 30/06/2015 kèm theo của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản ngày 31 tháng 07 năm 2015, từ trang 06 đến trang 12, đã được Ban Tổng giám đốc của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9/10/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910-“Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo soát xét được lập bằng sáu (06) bản tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản giữ (05) bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ (01) bản tiếng Việt. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-34-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-34-1

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2015

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Hồng

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Lương Thị Trà

Tổng Giám đốc



Atsuhiko Haruyama

228-C
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
NHẬT BẢN
TP. P

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	NGUỒN VỐN			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	41.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	325.801.831		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	344.013.296		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật.	(5.039.940.499)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		333.178.410	-
1A	Tổng			36.296.696.218
B	TÀI SẢN NGẮN HẠN			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn <i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>		-	
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		-	
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1	Phải thu của khách hàng <i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i> <i>Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
2	Trả trước cho người bán		-	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	

GIA
 HỒ SƠ
 1 NƠI
 K. R. T. W. S. N

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2015
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			-
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			-
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			-
5	Các khoản phải thu khác			-
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			-
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			-
IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác			704.510.890
1	Chi phí trả trước ngắn hạn			661.309.390
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			43.201.500
4.1	Tạm ứng			-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>			-
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác			43.201.500
1B	Tổng			704.510.890
C	TÀI SẢN DÀI HẠN			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>			-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			-
3	Phải thu dài hạn nội bộ			-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			-

TRÁCH MIỆM
 NGUYỄN VĂN QUANG

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm 30/06/2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
4	Phải thu dài hạn khác		-	
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-	
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	
II	Tài sản cố định		480.717.327	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>		-	
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		-	
4	Đầu tư dài hạn khác		-	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	
V	Tài sản dài hạn khác		1.062.810.631	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng		1.543.527.958	
VỐN KHẢ DỤNG = (1A) - (1B) - (1C)				34.048.657.370

012
CÔ
HMI
TOÁN
IẾ.
4Y

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			36.879.003.056	-
1	Tiền mặt (VND)	0%	28.879.003.056	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	8.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%		-
II. Trái phiếu chính phủ			-	-
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-	-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
IV. Cổ phiếu			5.455.540.800	545.554.080
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	5.455.540.800	545.554.080
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên, công ty chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII. Chứng khoán khác			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			-	-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	MBVF	10%	5.455.540.800	54.555.408
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				600.109.488

12/07/2015
HỒ
ĐI
Đ
P.

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm 30/06/2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	480.000.000	-	480.000.000
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-		-		
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-		-		
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-		-		
4	Từ 60 ngày trở đi	100%		60.283.977		60.283.977		
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
	Chi tiết tối từng khoản vay, tối từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
	Tiền gửi có kỳ hạn tại NH BIDV	20%		8.000.000.000		96.000.000		
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)							636.283.977	

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

Giá trị

I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	22.428.240.084
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	473.798.609
	1. Chi phí khấu hao	455.713.416
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	18.085.193
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	21.954.441.475
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%xIII)	5.488.610.369
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	7.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max{IV,V})		7.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		8.236.393.465

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	600.109.488	✓
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	636.283.977	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	✓
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	8.236.393.465	✓
5	Vốn khả dụng	34.048.657.370	✓
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	413,39%	

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Hồng



Atsuhiko Haruyama

